

Exercise 1: Look, read and match. (Nhìn, đọc và nối)

1



scared

2



thirsty

3



bored

4



hungry

Exercise 2: Look, read and choose. (Nhìn, đọc và chọn)

1



Vy's scared.

☐

Vy's bored.

☐

2



Nhi's hungry.

☐

Nhi's thirsty.

☐
Exercise 3: Look, read and choose. (Nhìn, đọc và chọn)

1



Lucy's hungry.

Lucy's thirsty.

2



Tom's scared.

Tom's sad.

3



Sue's bored.

Sue's fine.

Exercise 4: Listen and choose. (Nghe và chọn)

1

sad

☐

scared

☐

2

thirsty

☐

hungry

☐

3

bored

☐

scared

☐